Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 09.11.2026 10:07:11 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2131/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, gồm các hồ, đập: Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Vĩnh Sơn C, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh, Văn Phong và Phú Phong.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh.

2. Các quy trình vận hành hồ, đập đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quyết định này hoặc chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng để phù hợp với Quyết định này.

3. Khi hồ chứa Vĩnh Sơn 4 được cấp có thẩm quyền cho phép tích nước thì phải vận hành theo các quy định của Quy trình này.

4. Quy trình vận hành liên hồ chứa là giải pháp phi công trình để phối hợp vận hành giữa các hồ, đập góp phần nâng cao hiệu quả cắt, giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu nguy cơ hạn hán, thiếu nước trong mùa cạn trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh.

5. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa lũ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn trên cơ sở thực hiện đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình, trong đó bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, chi tiết ngành có liên quan.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn; Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật của các đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập: Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Vĩnh Sơn C, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh, Văn Phong, Phú Phong và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Gia Lai;
- Các cục: Quản lý tài nguyên nước; Khí tượng Thủy văn;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập, công trình tại Điều 3;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: CN, NC, CTTCP, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)21

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh

(Kèm theo Quyết định số 2131 /QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hằng năm, các hồ, đập: Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Vĩnh Sơn C, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh, Văn Phong và Phú Phong trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình hồ chứa Vĩnh Sơn C, Định Bình, Văn Phong và đập dâng Phú Phong không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình hồ chứa Trà Xom 1, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5 và Núi Một không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình hồ chứa Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B và Thuận Ninh không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ thiết kế với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông và góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình.

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ và mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ): từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 31 tháng 12.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn): từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 8.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ, đập phải tuân thủ theo quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ, đập.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ, đập theo Phụ lục I của Quy trình này.

Chương II
VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ, đập giảm lũ cho hạ du

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo Quy trình vận hành của hồ, đập đã được ban hành, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Chương IV của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm an toàn công trình hồ, đập, không gây đột biến dòng chảy, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân khu vực ven sông ở hạ du các hồ, đập; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 và Điều 13 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin, thông tin dự báo, cảnh báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ, đập cho phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời, phải thường

xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo điều hành, cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ chứa để nâng cao hiệu quả giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

5. Sau khi kết thúc quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc sau khi vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp hoặc sau khi vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 26 của Quy trình này.

Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất của các hồ: Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Bảng 1. Đối với các hồ chứa, đập dâng khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ, đập do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 1. Mực nước cao nhất của các hồ thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường

Hồ	Mực nước hồ (m)					
	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10	Từ 01/11 đến 15/11	Từ 16/11 đến 30/11	Từ 01/12 đến 17/12	Từ 18/12 đến 31/12
Trà Xom 1	665,0		666,0	667,0	667,0 - 668,0	
Định Bình	70,0	75,0	80,0	84,0		85,0 - 91,93
Núi Một	42,7	44,5		44,7		45,2 - 46,2
Thuận Ninh	63,0	64,0		66,0		67,0 - 68,0

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Hồ	Mực nước hồ (m)					
	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10	Từ 01/11 đến 15/11	Từ 16/11 đến 30/11	Từ 01/12 đến 17/12	Từ 18/12 đến 31/12
Trà Xom 1	661,0		664,0	665,0	665,0	667,0
Định Bình	65,0		75,0	81,0		82,0
Núi Một	42,7	43,5				44,5
Thuận Ninh	63,0			64,0		65,0

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

Hồ	Trạm thủy văn	Mực nước (m)
Định Bình	Bình Nghi	16,5
Núi Một, Thuận Ninh	Thạnh Hòa	7,5

Điều 7. Chế độ vận hành hồ, đập và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ, đập trong mùa lũ

1. Việc vận hành các hồ, đập trong mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

- Đối với các hồ Định Bình, Trà Xom 1, Núi Một và Thuận Ninh việc vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại các Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các chế độ vận hành sau:

+ Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất theo quy định để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ;

+ Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%) nhằm duy trì mực nước hồ;

+ Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường;

+ Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này sau khi vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

- Đối với các hồ, đập khác, việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Vận hành đảm bảo an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để đảm bảo an toàn công trình khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường (trừ các hồ chứa được quy định mực nước khác để vận hành an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa nước) mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định cụ thể tại Điều 13 của Quy trình này.

d) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 24 của Quy trình này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, phát điện, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ, đập quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp không có dự báo mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt 30 m^3/s đối với hồ Trà Xom 1, vượt 600 m^3/s đối với hồ Định Bình, vượt 75 m^3/s đối với hồ Núi Một, vượt 40 m^3/s đối với hồ Thuận Ninh (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ).

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này hoặc mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi đã xuống dưới báo động I và mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa đã xuống dưới báo động II và đang tiếp tục xuống, đồng thời không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

b) Các hồ Trà Xom 1, Định Bình và Núi Một phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước các hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường và lũ đến hồ đã giảm. Các hồ, đập khác phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ, đập do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa;

c) Các hồ thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ nếu từ ngày 18 tháng 12 (đối với các hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh) và từ ngày 01 tháng 12 (đối với hồ Trà Xom 1) không xuất hiện các tình huống theo quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, bản tin dự báo, cảnh báo trong 10 ngày tới của Cục Khí tượng Thủy văn không có thông tin xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh.

d) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 24 của Quy trình này, các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường.

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ, đập trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ, phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định, được quy định như sau:

- Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai quyết định việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường); quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định đối với việc thực hiện chế độ tích nước cuối mùa lũ và chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp.

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình và vận hành trong điều kiện bình thường do Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập (sau đây gọi tắt là Chủ hồ, đập) quyết định trên cơ sở quy trình vận hành hồ, đập được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ, đập đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp hoặc các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác (sau đây gọi chung là lệnh vận hành). Trường hợp lệnh vận hành chưa được ban hành bằng văn bản thì sau đó phải có văn bản gửi cho các cơ quan liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Chủ hồ, đập phải báo cáo lại việc thực hiện lệnh vận hành bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát việc vận hành.

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ, đập không nhận được lệnh vận hành của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này thì Chủ hồ, đập quyết định việc vận hành theo quy định của Quy trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời báo cáo ngay Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này. Việc báo cáo vận hành công trình được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác. Toàn bộ hồ sơ, dữ liệu, nhật ký vận hành và cơ sở đưa ra quyết định vận hành phải được lưu trữ, gửi cho các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

đ) Lệnh vận hành phải thể hiện các thông tin chính như sau: hiện trạng mực nước hạ du, mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả sau công trình; mục tiêu cần đạt của lệnh; thời gian thực hiện lệnh; mực nước hồ dự kiến đạt; cấp lưu lượng xả và các yêu cầu khác (nếu có).

Điều 8. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Định Bình

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi chưa vượt quá 16,2 m thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi vượt mức 16,2 m nhưng vẫn dưới mức quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ từ 600 m^3/s đến 1.000 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 1.000 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi đã xuống dưới báo động I và Trạm thủy văn Thạnh Hòa đã xuống dưới báo động II;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi trên báo động I hoặc Trạm thủy văn Thạnh Hòa trên báo động II nhưng vẫn dưới mức quy định tại Bảng 3 và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi đang dưới 16,2 m thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Bình Nghi, Thạnh Hòa và mực nước hồ, lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Cục Khí tượng Thủy văn không có cảnh báo hoặc dự báo có bão, áp thấp nhiệt đới hoặc các hình thế thời tiết khác có khả năng gây lũ ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực hồ chứa, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định dâng mực nước hồ Định Bình cao hơn mức quy định tại Bảng 1 của Quy trình này nhưng không vượt quá 72,0 m đối với thời kỳ từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9, không vượt quá 81,5 m đối với thời kỳ từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 15 tháng 11 trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của Chủ hồ nhưng phải bảo đảm an toàn công trình và nhiệm vụ cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trường hợp Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc các hình thế thời tiết khác có khả năng gây lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực hồ chứa, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định vận hành xả nước để đưa dần mực nước hồ về cao trình mực nước quy định tại Bảng 2 của Quy trình này. Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này. Khi các hình thế thời tiết có khả năng gây lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực hồ chứa, Trưởng Ban

Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định vận hành điều tiết duy trì mực nước hồ hoặc dâng mực nước hồ Định Bình nhưng không vượt quá cao trình 72,0 m đối với thời kỳ từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9, không vượt quá 81,5 m đối với thời kỳ từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 15 tháng 11, đồng thời phải bảo đảm an toàn công trình và nhiệm vụ cắt, giảm lũ cho hạ du.

Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Trà Xom 1

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi chưa vượt quá 16,2 m thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

b) Khi lưu lượng lũ đến hồ từ 30 m^3/s đến 50 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

c) Khi lưu lượng đến hồ lớn hơn 50 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, khi lưu lượng đến hồ nhỏ hơn 30 m^3/s thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu hồ Định Bình thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 thì hồ Trà Xom 1 phải vận hành điều tiết với lưu lượng xả không lớn hơn lưu lượng đến hồ.

Điều 10. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Núi Một và Thuận Ninh

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa chưa vượt quá 7,0 m thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước các hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa vượt mức 7,0 m nhưng vẫn dưới mức quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ đạt mức quy định dưới đây thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ:

- Từ 75 m^3/s đến 100 m^3/s đối với hồ Núi Một;

- Từ 40 m^3/s đến 60 m^3/s đối với hồ Thuận Ninh.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ đạt mức quy định dưới đây thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du:

- Lớn hơn 100 m^3/s đối với hồ Núi Một;

- Lớn hơn 60 m^3/s đối với hồ Thuận Ninh.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa đã xuống dưới báo động II;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa trên báo động II nhưng vẫn dưới mức quy định tại Bảng 3 của Quy trình này và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa đang dưới 7,0 m thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa và mực nước hồ, lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 11. Phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ, đập khác

1. Trong quá trình các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh vận hành giảm lũ, các hồ Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Vĩnh Sơn C (sau đây gọi tắt là cụm hồ Vĩnh Sơn), hồ Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Văn Phong và đập dâng Phú Phong phải tham gia phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du phù hợp với năng lực thực tế của công trình, tình hình mưa, lũ, không gây lũ chồng lũ, đảm bảo an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

2. Ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này, các hồ, đập phải thực hiện việc vận hành theo quyết định, chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này (nếu có).

Điều 12. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước các hồ Trà Xom 1, Định Bình và Núi Một đạt mực nước dâng bình thường mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình thì Chủ hồ phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với các hồ, đập khác thì thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ, đập do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Đồng thời phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các hồ thủy lợi.

Điều 13. Tích nước cuối mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định bằng văn bản việc vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ: Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có

văn bản về việc vận hành tích nước đối với các hồ nêu trên. Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này.

Trường hợp sau 03 ngày mà Chủ hồ chưa nhận được văn bản về việc vận hành tích nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì Chủ hồ được phép chủ động thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, đồng thời có văn bản báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện, nếu có chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì thực hiện theo chỉ đạo.

2. Trường hợp Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo trên lưu vực có nguy cơ xảy ra hạn hán hoặc các thông tin dự báo, cảnh báo có nguy cơ xảy ra thiếu nước có liên quan, nếu Chủ hồ nhận định có khả năng không tích đủ nước cấp cho mùa cạn của năm tiếp theo thì đề xuất phương án và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định việc tích nước từ ngày 15 tháng 11 đối với hồ Trà Xom 1 và từ ngày 01 tháng 11 đối với hồ Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có văn bản về việc vận hành tích nước đối với các hồ nêu trên.

Trường hợp có thêm cảnh báo, dự báo xuất hiện El Niño, nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định thời gian tích nước sớm hơn và điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả cho phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho mùa cạn của năm tiếp theo, đồng thời thông báo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ. Nếu xuất hiện các tình huống được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 24 thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành theo các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Quy trình này.

4. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn công trình, hạ du, tính mạng, tài sản của người dân, các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

Điều 14. Vận hành các hồ, đập trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Chủ hồ, đập được chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo mực nước

không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập, nhà máy theo quy định và phải thực hiện vận hành hằng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du như sau:

1. Đối với hồ Định Bình, hồ Văn Phong, đập dâng Phú Phong

a) Hồ Định Bình phải vận hành bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống và đảm bảo tổng lưu lượng xả trung bình ngày về hạ du hồ Định Bình không nhỏ hơn 8,0 m^3/s.

b) Hồ Văn Phong, đập dâng Phú Phong phải vận hành bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống, tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

c) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, trường hợp có nhu cầu sử dụng nước gia tăng ở hạ du, hồ Định Bình phải phối hợp với hồ Văn Phong và đập dâng Phú Phong điều chỉnh tăng lưu lượng xả về hạ du sông Kôn để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước.

2. Đối với cụm hồ Vĩnh Sơn, hồ Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5 và Trà Xom 1 phối hợp với hồ Định Bình để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

3. Đối với các hồ Thuận Ninh, Núi Một căn cứ mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và yêu cầu sử dụng nước ở hạ du, vận hành xả nước về hạ du theo quy định tại Điều 22 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì các hồ, đập phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Chương III
VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP TRONG MÙA CẠN

Điều 15. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình này (sau đây gọi tắt là Phụ lục III) để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

4. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Quy trình này.

5. Việc vận hành các hồ, đập phải căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Điều 16. Các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn

1. Thời kỳ I: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 10 tháng 4 và từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 15 tháng 8.

2. Thời kỳ II: từ ngày 11 tháng 4 đến ngày 04 tháng 5 và từ ngày 16 tháng 8 đến ngày 31 tháng 8.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ, đập trong mùa cạn

1. Chủ hồ, đập được phép chủ động vận hành nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Quy trình này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này và Điều 25 của Quy trình này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước hồ Định Bình thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy trình này, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ Định Bình phải đề xuất phương án vận hành hồ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước theo quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước hồ Định Bình vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy trình này, thì Chủ hồ Định Bình phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước theo quy định tại Phụ lục III.

4. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du trên cơ sở phương án đề xuất, báo cáo của Chủ hồ, đập.

Điều 18. Vận hành hồ Định Bình

1. Hằng ngày, hồ Định Bình phải vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định, vận hành các cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống và vận hành xả nước xuống hạ du sông Kôn như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ Định Bình cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Định Bình vận hành xả nước xuống hạ du với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 28,0 m^3/s đối với thời kỳ I; 13,0 m^3/s đối với thời kỳ II.

b) Trường hợp mực nước hồ Định Bình trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Định Bình vận hành xả nước xuống hạ du với lưu lượng trung bình ngày: từ 25,0 m^3/s đến 28,0 m^3/s đối với thời kỳ I; từ 10,0 m^3/s đến 13,0 m^3/s đối với thời kỳ II.

c) Trường hợp mực nước hồ Định Bình thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Định Bình vận hành xả nước xuống hạ du với lưu lượng trung bình ngày: từ 20,0 m^3/s đến 25,0 m^3/s đối với thời kỳ I; từ 8,0 m^3/s đến 10,0 m^3/s đối với thời kỳ II.

2. Trong các ngày nhà máy thủy điện An Khê phát điện thì hồ Định Bình được phép giảm lưu lượng xả về hạ du sông Kôn với lưu lượng giảm tối đa không quá 5,0 m^3/s theo các giá trị tương ứng trong từng thời kỳ được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, hồ Định Bình và hồ Văn Phong phối hợp vận hành để điều tiết xả nước phù hợp với yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi, bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và cấp nước ổn định cho hạ du; khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì hồ Định Bình phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 19. Vận hành hồ Văn Phong

Trong quá trình hồ Định Bình vận hành theo quy định tại Điều 18 của Quy trình này, Chủ hồ Văn Phong phải vận hành các cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi Văn Phong, phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Văn Phong để vận hành xả nước về hạ du sông Kôn như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong trong khoảng từ 24,4 m đến 24,8 m, vận hành xả nước liên tục về hạ du với lưu lượng không nhỏ hơn 25,0 m^3/s đối với thời kỳ I và 8,0 m^3/s đối với thời kỳ II.

2. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong thấp hơn 24,4 m, vận hành xả nước liên tục về hạ du với lưu lượng từ 20,0 m^3/s đến 25,0 m^3/s đối với thời kỳ I và từ 6,0 m^3/s đến 8,0 m^3/s đối với thời kỳ II.

3. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong cao hơn 24,8 m mà lưu lượng đến hồ vẫn tăng, thì căn cứ lưu lượng xả tương ứng tại khoản 1 Điều này, hồ Văn Phong được phép điều chỉnh tăng lưu lượng để duy trì mực nước của hồ không vượt quá 25,0 m. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ Văn Phong xuống thấp hơn 24,8 m thì vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì hồ Văn Phong phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 20. Vận hành đập dâng Phú Phong

1. Hằng ngày, Chủ đập Phú Phong chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Phú Phong để vận hành các cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi Phú Phong và vận hành xả nước về hạ du sông Kôn để điều tiết, cấp nước cho hạ du.

2. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì đập dâng Phú Phong phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 21. Vận hành cụm hồ Vĩnh Sơn, hồ Vĩnh Sơn 4, hồ Vĩnh Sơn 5 và hồ Trà Xom 1

1. Hằng ngày, cụm hồ Vĩnh Sơn và hồ Vĩnh Sơn 4 phải vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định và phải bảo đảm vận hành theo các quy định như sau:

a) Khi mực nước hồ Định Bình trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, cụm hồ Vĩnh Sơn và hồ Vĩnh Sơn 4 được phép chủ động vận hành xả nước về hạ du.

b) Khi mực nước hồ Định Bình thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, cụm hồ Vĩnh Sơn và hồ Vĩnh Sơn 4 vận hành xả nước xuống hạ du bảo đảm lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 5,0 m^3/s đối với cụm hồ Vĩnh Sơn; 3,0 m^3/s đối với hồ Vĩnh Sơn 4.

2. Hằng ngày, hồ Vĩnh Sơn 5 vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và xả nước về hạ du để bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 20%).

3. Hằng ngày, hồ Trà Xom 1 phối hợp với hồ Định Bình để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì hồ Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5 và Trà Xom 1 phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 22. Vận hành các hồ Núi Một và Thuận Ninh

1. Hằng ngày, hồ Núi Một và Thuận Ninh phải vận hành xả nước về hạ du để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định và vận hành các cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi.

2. Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ mực nước hồ và lưu lượng đến hồ, nếu có khả năng bổ sung nguồn nước cho hạ du, thì các hồ phải tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

Điều 23. Vận hành các đập dâng Bảy Yển và Bình Thạnh đảm bảo phân phối lưu lượng giữa các nhánh sông Đập Đá, Gò Chàm, Tân An phù hợp với yêu cầu sử dụng nước của từng nhánh sông.

Chương IV
VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP TRONG TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG, KHẨN CẤP

Điều 24. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định vận hành các hồ, đập khác với quy định của Quy trình này khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 3 trở lên.

b) Khi một trong các hồ Định Bình, Trà Xom 1, Núi Một và Thuận Ninh đã sử dụng hết dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du mà có dự báo, cảnh báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn ở thượng lưu hồ.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi hoặc Trạm thủy văn Thạnh Hòa vượt báo động III mà mực nước hồ Định Bình đã đạt mực nước dâng bình thường, đồng thời dự báo lũ trên sông Kôn còn tiếp tục tăng.

d) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du.

đ) Xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai.

e) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định việc hạ mực nước hồ thấp hơn quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

3. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp xuất hiện các tình huống có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến an toàn tính mạng, tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du, trên cơ sở phương án đề xuất về mức độ, khả năng đảm bảo an toàn công trình của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo Bộ Công Thương (đối với hồ thủy điện), Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với hồ thủy lợi) trước khi xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích trên mực nước dâng bình thường của hồ, các hồ để tham gia hỗ trợ giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn đập.

Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn có chức năng liên quan đến đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện, thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trong quá trình ra quyết định nêu trên.

Điều 25. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa cạn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định việc vận hành các hồ, đập khi xuất hiện một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên.

b) Có khả năng xuất hiện lũ trên một hoặc nhiều lưu vực hồ chứa.

c) Khi mực nước hồ Định Bình đạt đến mực nước dâng bình thường mà mực nước tại trạm thủy văn Bình Nghi hoặc Thạnh Hòa vượt mức quy định tại Bảng 3 của Quy trình này.

d) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du.

đ) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành hồ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

3. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc khi kịch bản nguồn nước công bố nguồn nước trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi xảy ra các tình huống quy định tại Điều 24 thì thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Quy trình này.

Điều 26. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định.

Chương V
QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 27. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai

1. Quyết định vận hành các hồ, đập theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 của Quy trình này.

2. Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước.

5. Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Đối với lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện còn phải thông báo ngay tới Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

6. Quyết định việc dâng mực nước hồ Định Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy trình này phải bảo đảm an toàn công trình và nhiệm vụ cắt, giảm lũ cho hạ du.

7. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ,

lụt gây ra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

8. Việc thông báo các lệnh vận hành theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều này được thực hiện bằng một trong các phương thức sau: văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc thông báo bằng các hình thức phù hợp khác. Trường hợp không thực hiện thông báo lệnh vận hành bằng văn bản, thì người nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

9. Trên cơ sở quy định tại Điều này, chủ trì, phối hợp với các chủ hồ ban hành Quy chế phối hợp liên quan đến việc vận hành hồ chứa để bảo đảm thông tin vận hành hồ chứa được cung cấp kịp thời, đầy đủ đến Nhân dân ở vùng hạ lưu các hồ chứa, đặc biệt trong trường hợp xảy ra mưa, lũ lớn, các tình huống bất thường, khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản của Nhân dân.

10. Triển khai các biện pháp ứng phó với lũ lụt, hạn hán theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

1. Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7; khoản 1 và khoản 2 Điều 13; khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 17; Điều 24 và Điều 25 của Quy trình này.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này.

3. Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các Chủ hồ, đập xây dựng quy chế phối hợp, phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

5. Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

6. Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này.

7. Chỉ đạo các Chủ hồ, đập lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ, đập, nhà máy và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Quy trình này.

8. Tổ chức xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ chứa theo thẩm quyền. Trong quá trình tính toán, xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

9. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

10. Tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ và các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 29. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp có tính chất quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Chỉ đạo các Chủ hồ thủy điện thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các Chủ hồ thủy điện thực hiện việc vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo các Chủ hồ thủy điện, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch huy động của các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này. Trong đó, ưu tiên huy động điện đối với các hồ chứa có bổ sung, sử dụng thêm dung tích hồ để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du trong vùng ảnh

hưởng trực tiếp của bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ.

4. Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ.

5. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, đặc biệt trong công tác đảm bảo an toàn công trình, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo cơ quan chức năng đảm bảo an toàn cho nhân dân ở hạ du hồ chứa trong thời gian xảy ra mưa, lũ trên lưu vực.

6. Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Trong mùa lũ:

a) Chỉ đạo việc bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi có liên quan theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống bất thường, khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh theo thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, chuyên gia tính toán xây dựng các kịch bản, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định vận hành các hồ chứa trên địa bàn để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa và dân cư khi dự báo lũ về hồ có khả năng vượt lưu lượng hoặc mực nước lũ thiết kế hoặc mực nước lũ ở hạ du có nguy cơ vượt mực nước lũ lịch sử hoặc các tình huống bất thường khác có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa hoặc đe dọa đến an toàn dân cư trên lưu vực.

d) Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy lợi lớn trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2. Trong mùa cạn:

a) Chỉ đạo các Chủ hồ, đập thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ, đập thủy lợi trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy trình này.

b) Chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước.

c) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

3. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình; chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc vận hành các hồ, đập theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu, chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ, đập theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn theo quy định của Quy trình này.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy trình này.

6. Tổ chức xây dựng hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu vận hành các hồ và các thông tin, số liệu có liên quan thống nhất trên toàn lưu vực.

7. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh theo quy định khi cần thiết.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ trưởng các bộ, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo bảo đảm an toàn các công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ, ngập lụt gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

Điều 33. Trách nhiệm của Chủ hồ

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Quy trình này và cơ quan, địa phương có liên quan khi có yêu cầu.

Đồng thời, chủ động tính toán, xây dựng các phương án vận hành, điều tiết nước đảm bảo an toàn công trình, cắt, giảm lũ hạ du và đề xuất phương

án vận hành hồ chứa tới cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Khuyến khích thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo và hỗ trợ vận hành hồ chứa để nâng cao chất lượng dự báo, vận hành hồ.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai). Đối với các hồ thủy điện còn phải truyền dữ liệu về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia); các hồ thủy lợi còn phải truyền dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi) theo quy định.

4. Hằng ngày, cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước. Đối với các hồ thủy điện còn phải truyền số liệu vận hành hồ về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo yêu cầu.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông, suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành điều tiết qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột lưu lượng xả về hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai;

- Trường hợp xảy ra tình huống không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả tràn, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai và thông báo ngay tới Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Chủ hồ bậc dưới liền kề.

c) Thực hiện việc vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này. Khi vận hành bảo đảm an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai; Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các hồ thủy lợi.

d) Khi xuất hiện các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Điều 24 của Quy trình này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định.

đ) Việc báo cáo, thông báo tới các cơ quan quy định tại khoản này được thực hiện bằng một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

e) Đề xuất bằng văn bản phương án tích nước theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy trình này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện phù hợp với yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả theo quy định của Quy trình này.

b) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố hoặc trong trường hợp sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành công trình theo Quy trình này.

c) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 17 và việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy trình này.

d) Đề xuất phương án, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy trình này để xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

đ) Hằng ngày, Chủ hồ bậc trên phải thông báo kế hoạch xả nước tới Chủ hồ bậc dưới liền kề.

e) Triển khai lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các hồ thuộc phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với kịch bản nguồn nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

8. Chủ hồ Thuận Ninh có trách nhiệm khẩn trương lập, trình phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa Thuận Ninh; lập phương án vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

9. Chủ hồ Định Bình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và đơn vị quản lý vận hành Nhà máy thủy điện An Khê xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ.

Điều 34. Trách nhiệm của Chủ đập dâng Phú Phong và đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Định Bình, Văn Phong, Phú Phong

1. Đối với đơn vị quản lý, vận hành đập dâng Phú Phong:

a) Thực hiện vận hành đập dâng Phú Phong theo quy định của Quy trình này.

b) Chỉ đạo việc vận hành các công trình lấy nước đầu kênh của hệ thống thủy lợi Phú Phong để lấy đủ nước trong hệ thống bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

c) Thực hiện chế độ quan trắc và cung cấp thông tin số liệu theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Quy trình này.

d) Lắp đặt camera giám sát việc vận hành đập và truyền tín hiệu hình ảnh về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Cục Quản lý tài nguyên nước.

2. Đối với các đơn vị quản lý vận hành các nhà máy thủy điện Định Bình, Văn Phong và Phú Phong:

a) Phối hợp với Chủ hồ Định Bình, Văn Phong và Chủ đập Phú Phong trong việc vận hành bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong các hệ thống thủy lợi và xả nước về hạ du; thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin, số liệu theo quy định.

b) Lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của nhà máy theo quy định và truyền số liệu, dữ liệu hình ảnh về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp và Cục Quản lý tài nguyên nước.

Điều 35. Trách nhiệm về an toàn các công trình

1. Lệnh vận hành các hồ, đập điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến mất an toàn công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du thì Chủ hồ, đập có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ thủy điện có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương, Chủ hồ thủy lợi có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, các Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

4. Hằng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ, đập có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định. Đồng thời, báo cáo tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai để theo dõi, chỉ đạo. Trường hợp cần thiết điều chỉnh các vấn đề liên quan đến vận hành đảm bảo an toàn công trình thì Chủ hồ, đập thực hiện báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa nước để xem xét, quyết định.

5. Trường hợp có sự cố công trình hoặc trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 31 tháng 8, Chủ hồ, đập phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 4 Điều này để chỉ đạo xử lý.

Điều 36. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa, lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ, đập phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hằng ngày, Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện 01 bản tin dự báo tại Trạm thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa vào 15 giờ.

b) Hằng ngày, Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

c) Hằng ngày, Chủ đập dâng Phú Phong tổ chức quan trắc, tính toán mực nước, lưu lượng đến đập, lưu lượng lấy vào kênh, lưu lượng qua đập tràn xuống hạ du sông Kôn ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

d) Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Định Bình, Văn Phong và Phú Phong thực hiện tính toán lưu lượng qua nhà máy liên tục 01 giờ một lần.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ, đập phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Kôn - Hà Thanh theo quy định;

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn; các bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại các Trạm thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa. Tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai);

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại các Trạm thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 04 lần khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ một lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ đến hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới;

- Đối với các Chủ hồ Trà Xom 1, Định Bình, Thuận Ninh và Núi Một còn phải theo dõi, phát hiện thời điểm lưu lượng đến hồ đạt các giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này và báo cáo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai.

c) Chủ đập dâng Phú Phong tổ chức quan trắc, tính toán mực nước đập, lưu lượng đến đập, lưu lượng lấy vào kênh, lưu lượng qua đập tràn xuống hạ du sông Kôn ít nhất 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 04 lần khi mực nước đập trên mực nước lũ thiết kế.

d) Đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Định Bình, Văn Phong và Phú Phong thực hiện tính toán lưu lượng qua nhà máy liên tục 01 giờ một lần.

3. Hằng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 13 của Quy trình này, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và được cập nhật để phục vụ vận hành tích nước các hồ chứa theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

Điều 37. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Cục Khí tượng Thủy văn và Chủ hồ, đập phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai và các Chủ hồ, đập trước 16 giờ hằng ngày.

b) Chủ hồ, đập phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 36 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và các Chủ hồ, đập bậc dưới liền kề trước 11 giờ hằng ngày; các chủ hồ thủy điện còn phải cung cấp tới Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

c) Hằng ngày, các đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Định Bình phải cung cấp cho Chủ hồ Định Bình, nhà máy thủy điện Văn Phong phải cung cấp cho Chủ hồ Văn Phong, nhà máy thủy điện Phú Phong phải cung cấp cho Chủ đập Phú Phong số liệu quan trắc, tính toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 của Quy trình này.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa, lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ, đập phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp ngay bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ, đập.

Khi mực nước tại các Trạm thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này thì phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai và các Chủ hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh.

b) Chủ hồ, đập phải cung cấp ngay bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 36 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Chủ hồ, đập bậc dưới liền kề; các Chủ hồ thủy điện còn phải cung cấp đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Chủ hồ, đập có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ, đập phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ, đập và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai; Bộ Công Thương, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

b) Hằng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, các Chủ hồ, đập phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai; Bộ Công Thương, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 38. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa cạn

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh;

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh vào ngày 01 hằng tháng.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Hằng ngày, tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước thượng, hạ lưu hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

- Đối với hồ Định Bình tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

c) Hằng ngày, Chủ đập dâng Phú Phong tổ chức quan trắc, tính toán mực nước, lưu lượng đến đập dâng Phú Phong, lưu lượng lấy vào kênh, lưu lượng

qua đập tràn xuống hạ du sông Kôn ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

d) Hằng ngày, đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Định Bình, Văn Phong, Phú Phong thực hiện tính toán lưu lượng qua nhà máy liên tục 01 giờ một lần.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Chủ hồ Định Bình các số liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

b) Chủ hồ Định Bình phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ các số liệu lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

c) Hằng ngày, các Chủ hồ, đập cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện.

d) Đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Định Bình phải cung cấp cho chủ hồ Định Bình, nhà máy thủy điện Văn Phong phải cung cấp cho chủ hồ Văn Phong, nhà máy thủy điện Phú Phong phải cung cấp cho chủ đập Phú Phong số liệu quan trắc, tính toán lưu lượng qua nhà máy hằng ngày và lưu lượng xả qua phát điện dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA, ĐẬP DÂNG

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2131 /QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thông số	Đơn vị	Hồ										Đập
			Vĩnh Sơn A	Vĩnh Sơn B	Vĩnh Sơn C	Vĩnh Sơn 4	Vĩnh Sơn 5	Trà Xom 1	Định Bình	Núi Một	Thuận Ninh	Văn Phong	Phú Phong
I	**CÁC ĐẶC TRƯNG LƯU VỰC**												
1	Lưu lượng TB nhiều năm	m^3/s	3,77	3,76	2,53	26,40	24,20	3,27	36,00	2,95	-	66,70	-
2	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	m^3/s	1.910	2.150	1.090	5.620	5.190	920,00	9.690,0	2.120	-	14.443	18.980
			P=0,1%	P=0,1%	P=0,1%	P= 0,2%	P= 0,2%	P= 0,2%	P=0,1%	P=0,2%	-	P=0,1%	P=0,1%
3	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế	m^3/s	1.530	1.730	869,00	4.010	3.730	760,00	8.130,0	1.670	-	12.422	16.590
			P=0,5%	P=0,5%	P=0,5%	P=1,0%	P= 1,0%	P=1,0%	P= 0,5%	P=1,0%	-	P= 0,5%	P=0,5%
II	**THÔNG SỐ HỒ CHỨA**												
1	Mực nước dâng bình thường	m	775,00	826,00	981,00	205,00	155,00 (*) 154,5 (**)	668,00	91,93	46,20	68,00	25,00	18,00
2	Mực nước chết	m	765,00	813,60	971,30	195,00	154,00	653,00	65,00	25,00	56,00	-	
3	Mực nước lũ thiết kế	m	780,85	832,10	986,43	206,41	155,9	668,20	93,27	48,68	68,91	29,37	21,47
			P=0,5%	P=0,5%	P=0,5%	P=1,0%	P=1,0%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,5%
4	Mực nước lũ kiểm tra	m			987,52	207,73	158,25	668,72	94,80	49,60	69,25	30,20	22,17
					P=0,1%	P=0,2%	P=0,2%	P=0,2%	P=0,1%	P=0,2%	P=0,5%	P= 0,1%	P= 0,1%
5	Dung tích toàn bộ (W_{tb})	10^6m^3	34,00	97,00	58,00	21,765	1,53	39,50	226,21	111,00	35,36	-	-
6	Dung tích hữu ích (W_{hi})	10^6m^3	22,00	80,00	35,00	9,107	0,19	31,22	209,93	109,55	32,26	-	-
7	Dung tích chết (W_c)	10^6m^3	12,00	17,00	23,00	12,658	1,34	8,28	16,28	1,45	3,10	-	-
III	**ĐẬP DÂNG VÀ ĐẬP TRÀN**												
1	Cao trình đỉnh đập dâng	m	781,50	832,50	989,50	208,90	158,5	669,50	95,30	50,50	71,20	-	-
2	Số khoang tràn	Khoang	-	-	-	4	3	2	6	2	3	10	20
3	Kích thước cửa van	m x m	-	-	-	12 x 13	12 x 10,5	14,0x8,5	3: (14,0x11,0) 6: (6,0 x5,0)	9,4 x 3,5	8 x 5	15x5	15x4,20
4	Cao trình ngưỡng tràn	m	-	-	-	192,00	142,0	660,00	3: (80,93) 6: (58,00)	42,70	63,00	20,00	14,00
5	Lưu lượng xả tràn ứng với lũ kiểm tra	m^3/s	-	-	381,00 (P=0,1%)	5.512,50 (P=1,2%)	4.404,5 (P=0,2%)	690,00 (P=0,2%)	8.308,0	484,00	600,00 (P=0,5%)	-	-
6	Lưu lượng xả tràn ứng với lũ thiết kế	m^3/s	1.022,70 (P=0,5%)	318,50 (P=0,5%)	295,00 (P=0,5%)	3.974,47 (P=1,0%)	3.545,7 (P=1,0%)	630,00 (P=1,0%)	7.362,0	397,00 (P=1,0%)	550,00 (P=1,0%)	-	-
7	Tràn tự do/tràn sự cố:										-		
7.1	Cao trình ngưỡng tràn	m	775,00	826,00	981,00	205,00	155,0	731,15	-	46,20	-	25,00	18,00
7.2	Chiều dài tràn	m	50,00	15,20	16,00	10,00	60,00	52,00	-	25,00	-	301,75	213,50
IV	**NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN**												
1	Lưu lượng lớn nhất	m^3/s	13,20	-	-	50,74	66,80	4,90	37,50	8,1	-	180,00	110,38
2	Công suất lắp máy	MW	66,00	-	-	18,00	28,00	20,00	9,90	1,0	-	6,00	2,90
3	Số tổ máy	tổ	2	-	-	2	2	2	3	2	-	3	2

(*) Mực nước dâng bình thường; (**) Mực nước vận hành trong trường hợp bình thường

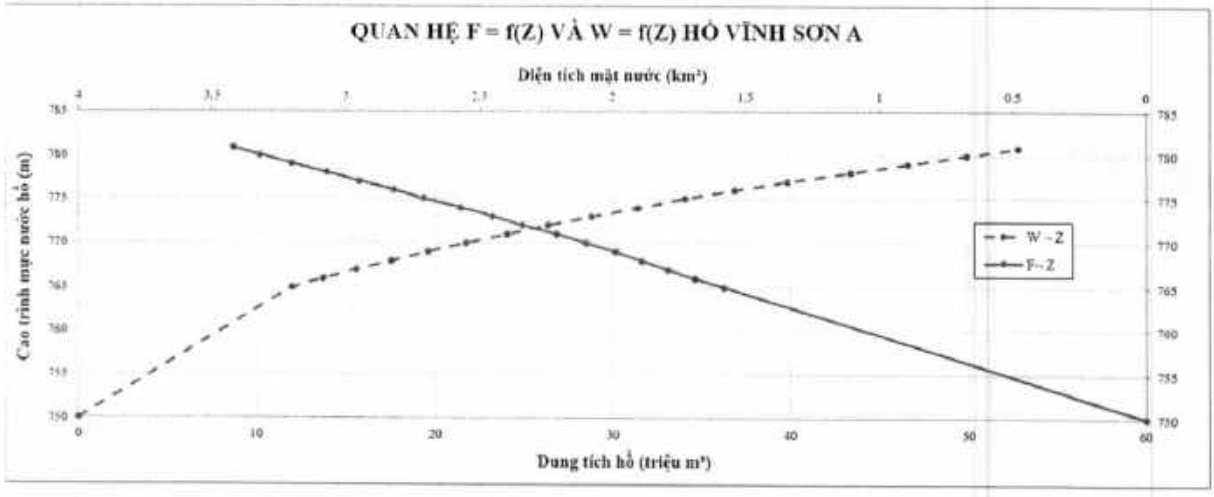
Phụ lục II
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2131 /QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HỒ CHỨA VĨNH SƠN A

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A

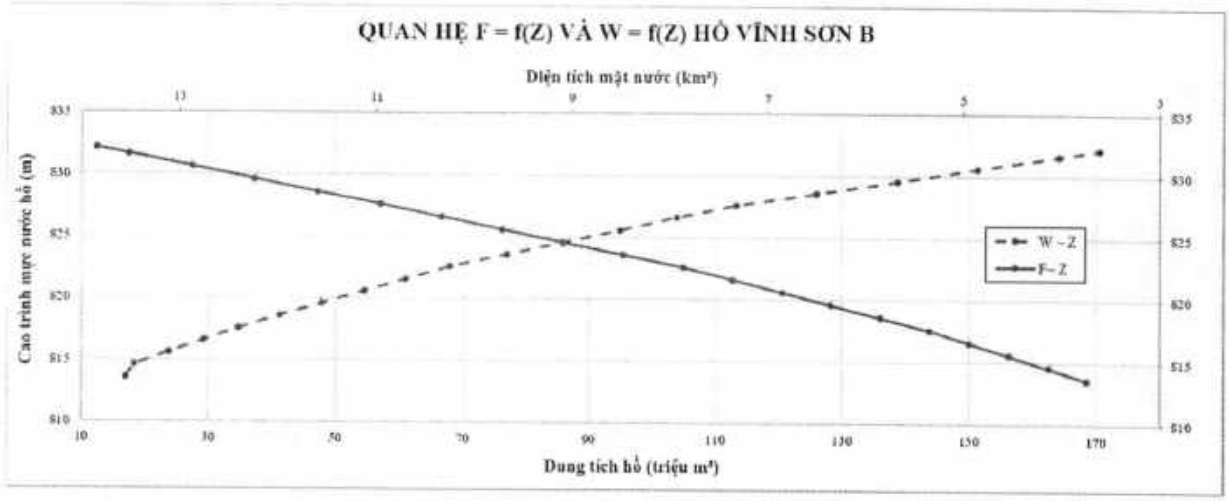
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	750,0	0,00	0,00	10	773,0	2,45	28,83
2	765,0	1,58	12,00	11	774,0	2,57	31,41
3	766,0	1,69	13,75	12	775,0	2,71	34,11
4	767,0	1,79	15,60	13	776,0	2,82	36,91
5	768,0	1,89	17,56	14	777,0	2,95	39,87
6	769,0	1,99	19,61	15	778,0	3,07	43,40
7	770,0	2,10	21,77	16	779,0	3,20	46,60
8	771,0	2,21	24,02	17	780,0	3,32	49,90
9	772,0	2,34	26,37	18	780,85	3,42	52,80



II. HỒ CHỨA VĨNH SƠN B

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa Vĩnh Sơn B

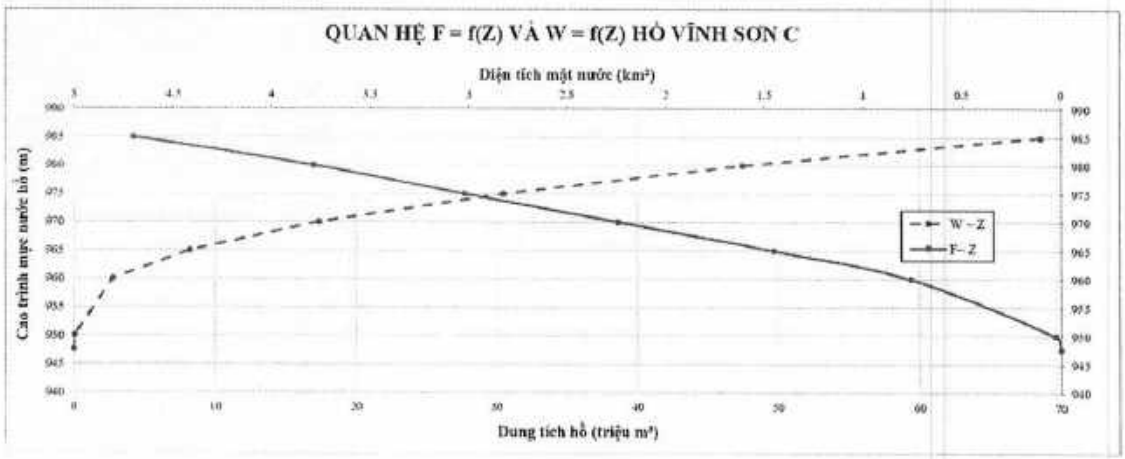
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	813,6	3,74	17,00	11	823,6	8,48	76,90
2	814,6	4,14	18,30	12	824,6	9,10	85,90
3	815,6	4,54	23,72	13	825,6	9,72	94,90
4	816,6	4,94	29,13	14	826,6	10,34	103,90
5	817,6	5,35	34,66	15	827,6	10,96	113,27
6	818,6	5,85	41,26	16	828,6	11,60	125,97
7	819,6	6,35	47,86	17	829,6	12,24	138,67
8	820,6	6,85	54,46	18	830,6	12,88	151,37
9	821,6	7,35	61,06	19	831,6	13,52	164,07
10	822,6	7,86	67,90	20	832,1	13,85	170,57



III. HỒ CHỨA VĨNH SƠN C

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa Vĩnh Sơn C

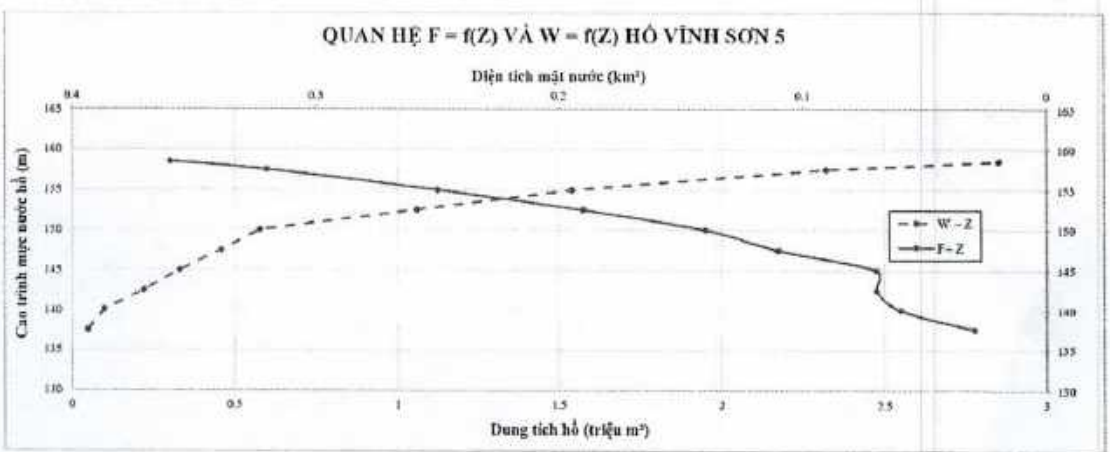
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	947,6	0,00	0,00	5	970,0	2,24	17,32
2	950,0	0,03	0,02	6	975,0	3,02	30,42
3	960,0	0,76	2,73	7	980,0	3,79	47,41
4	965,0	1,45	8,17	8	985,0	4,70	68,59



IV. HỒ CHỨA VĨNH SƠN 5

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5

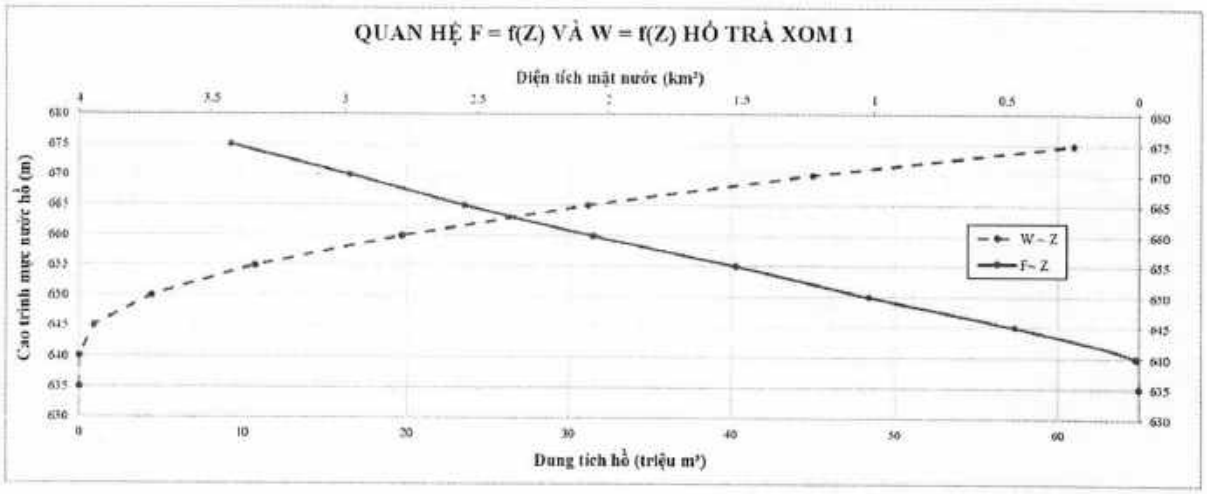
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	137,5	0,03	0,05	6	150,0	0,14	0,58
2	140,0	0,06	0,10	7	152,5	0,19	1,06
3	142,5	0,07	0,22	8	155,0	0,25	1,54
4	145,0	0,07	0,33	9	157,5	0,32	2,32
5	147,5	0,11	0,46	10	158,5	0,36	2,85



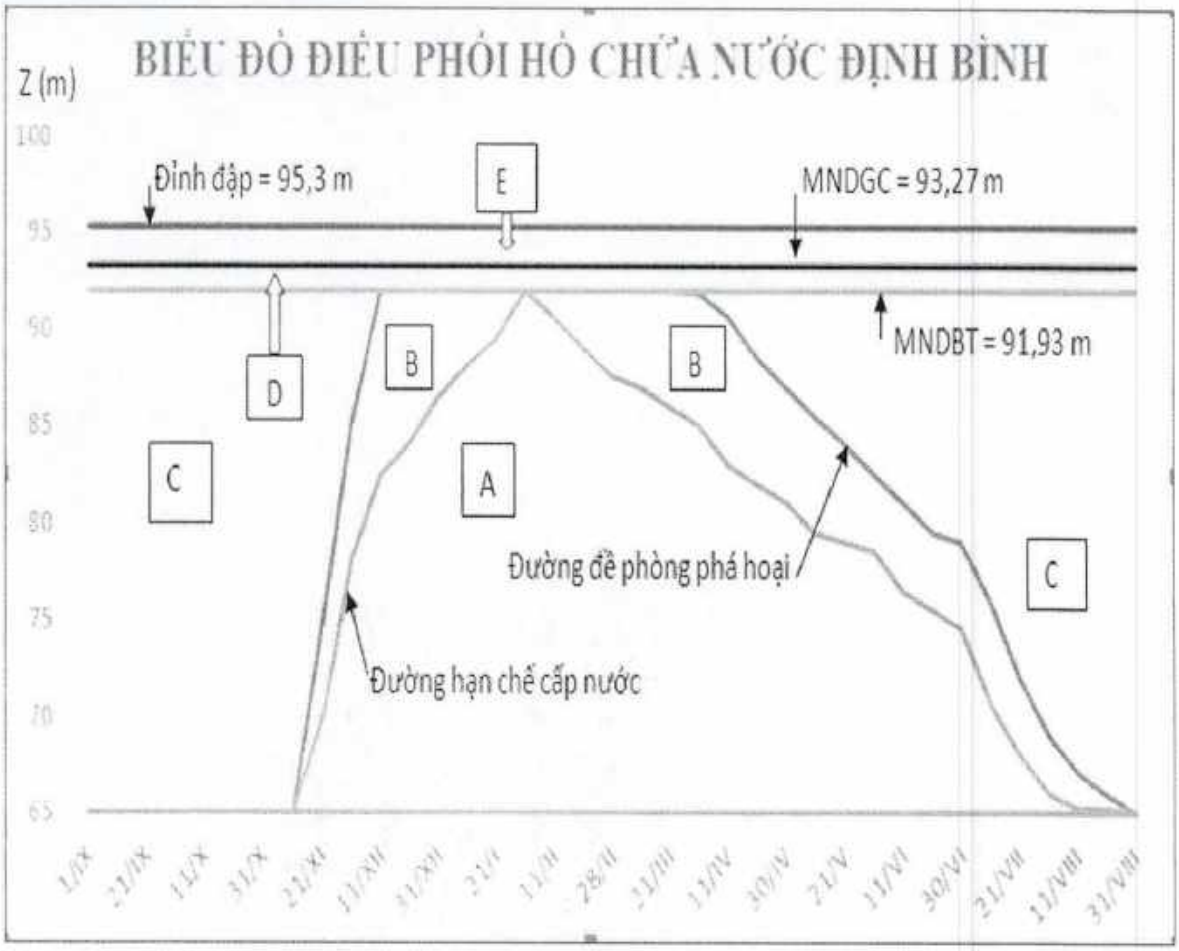
V. HỒ CHỨA TRÀ XOM 1

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa thủy điện Trà Xom 1

STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	635,0	0,00	0,00	6	660,0	2,06	19,72
2	640,0	0,01	0,01	7	665,0	2,55	31,22
3	645,0	0,47	0,88	8	670,0	2,98	45,02
4	650,0	1,02	4,50	9	675,0	3,43	61,03
5	655,0	1,52	10,80				

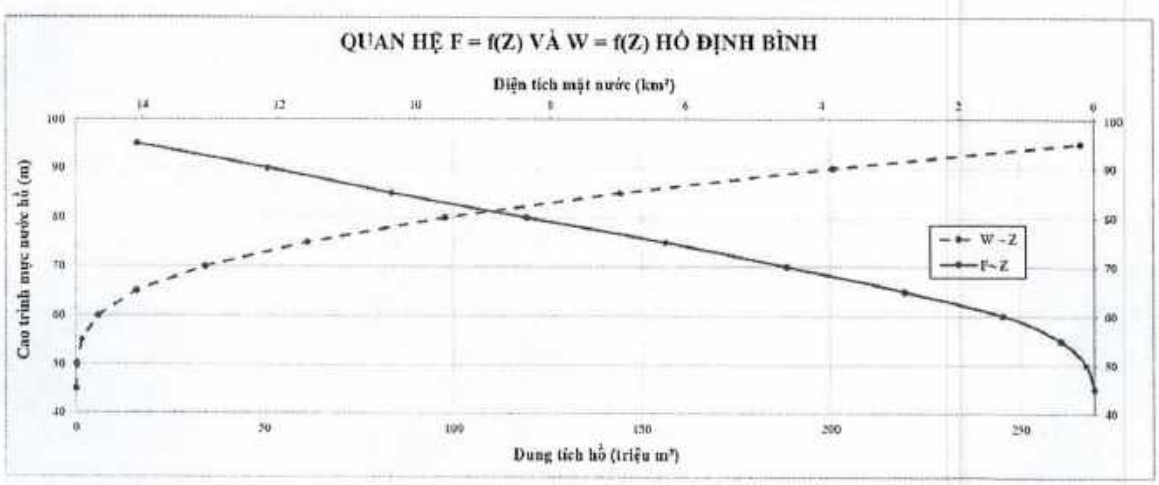


VI. HỒ CHỨA ĐỊNH BÌNH



Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa Định Bình

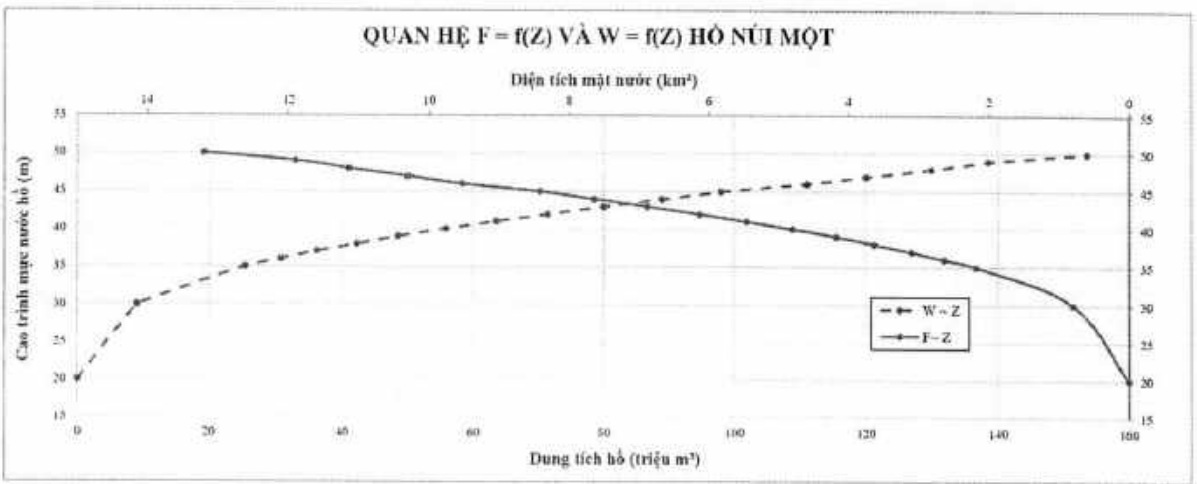
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	45,0	0,00	0,00	7	75,0	6,30	61,37
2	50,0	0,12	0,20	8	80,0	8,36	97,89
3	55,0	0,50	1,62	9	85,0	10,36	144,58
4	60,0	1,36	6,08	10	90,0	12,17	200,82
5	65,0	2,81	16,28	11	95,0	14,09	266,40
6	70,0	4,52	34,43				



VII. HỒ CHỨA NÚI MỘT

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa Núi Một

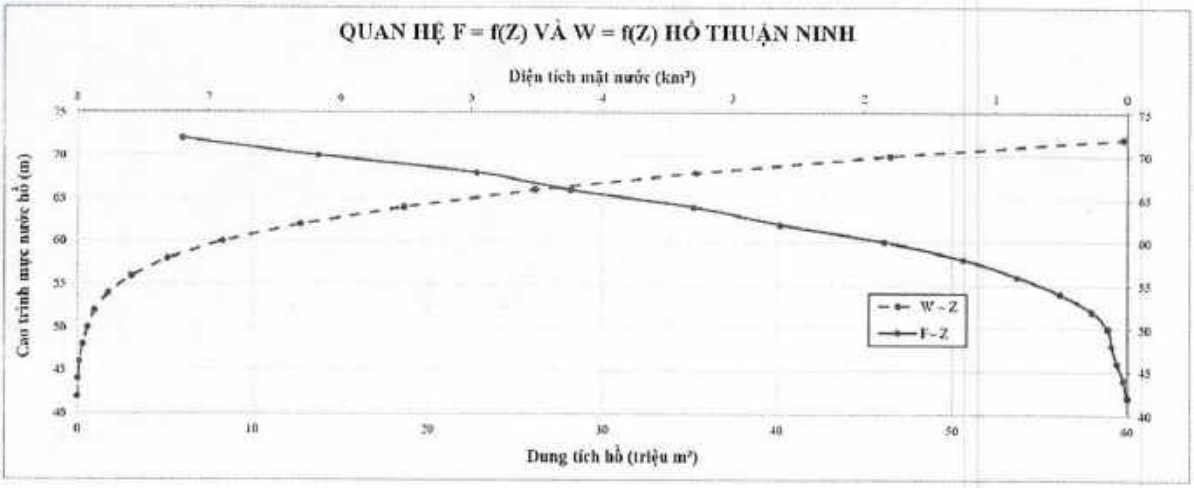
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	20,0	0,00	0,00	10	42,0	6,13	71,37
2	30,0	0,79	9,15	11	43,0	6,87	80,00
3	35,0	2,19	25,50	12	44,0	7,64	88,97
4	36,0	2,64	30,79	13	45,0	8,42	98,00
5	37,0	3,11	36,25	14	46,0	9,53	111,00
6	38,0	3,63	42,31	15	47,0	10,31	120,00
7	39,0	4,17	48,50	16	48,0	11,16	130,00
8	40,0	4,80	55,92	17	49,0	11,90	138,60
9	41,0	5,45	63,50	18	50,0	13,20	153,70



VIII. HỒ CHỨA THUẬN NINH

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ chứa Thuận Ninh

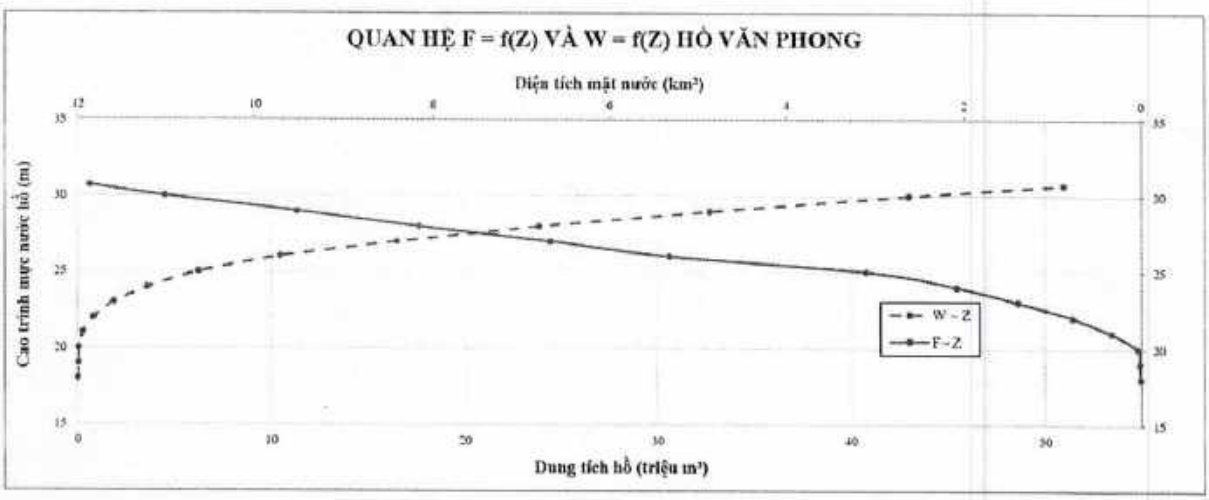
STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km^2	Dung tích (W), triệu m^3
1	42,0	0,00	0,00	9	58,0	1,25	5,18
2	44,0	0,03	0,02	10	60,0	1,85	8,26
3	46,0	0,08	0,12	11	62,0	2,64	12,73
4	48,0	0,12	0,32	12	64,0	3,30	18,65
5	50,0	0,15	0,59	13	66,0	4,24	26,17
6	52,0	0,27	1,00	14	68,0	4,96	35,36
7	54,0	0,51	1,77	15	70,0	6,17	46,47
8	56,0	0,84	3,10	16	72,0	7,20	59,82



IX. HỒ VĂN PHONG

Bảng tra quan hệ F=f(Z) và W=f(Z) hồ Văn Phong

STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km²	Dung tích (W), triệu m³	STT	Mực nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km²	Dung tích (W), triệu m³
1	18,0	0,005	0,00	8	25,0	3,11	6,22
2	19,0	0,015	0,01	9	26,0	5,32	10,43
3	20,0	0,041	0,04	10	27,0	6,67	16,43
4	21,0	0,34	0,23	11	28,0	8,16	23,84
5	22,0	0,78	0,79	12	29,0	9,53	32,68
6	23,0	1,40	1,87	13	30,0	11,01	42,96
7	24,0	2,09	3,62	14	30,7	11,87	50,96



Phụ lục III

KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH HỒ ĐỊNH BÌNH TRONG MÙA CẠN

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2131 /QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước của hồ Định Bình (m)	
	Từ	Đến	Từ	Đến
1	01/01	10/01	86,8	89,0
2	11/01	20/01	86,8	89,0
3	21/01	31/01	86,8	89,0
4	01/02	10/02	86,2	88,4
5	11/02	20/02	85,6	87,8
6	21/02	28/02 (29/02)	84,9	87,1
7	01/3	10/3	84,1	86,3
8	11/3	20/3	83,1	85,3
9	21/3	31/3	82,1	84,3
10	01/4	10/4	81,1	83,3
11	11/4	20/4	80,5	82,7
12	21/4	30/4	80,0	82,2
13	01/5	10/5	79,5	81,7
14	11/5	20/5	78,9	81,1
15	21/5	31/5	78,4	80,6
16	01/6	10/6	77,6	79,8
17	11/6	20/6	76,5	78,7
18	21/6	30/6	75,0	77,2
19	01/7	10/7	72,9	75,1
20	11/7	20/7	70,9	73,1
21	21/7	31/7	69,0	71,2
22	01/8	10/8	67,5	69,7
23	11/8	20/8	66,5	68,7
24	21/8	31/8	65,0	67,2